

Số: 24/NQ-HĐND

Tri Tôn, ngày 15 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung danh mục chi tiết công trình sử dụng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Tri Tôn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 2866/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc điều chỉnh, bổ sung phân bổ kế hoạch vốn năm 2022 nguồn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021- 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang;

Xét Tờ trình số 186/TTr-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung danh mục chi tiết công trình đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Tri Tôn; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất phê duyệt điều chỉnh, bổ sung danh mục chi tiết công trình sử dụng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Tri Tôn, như sau:

1. Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách trung ương và nguồn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Tri Tôn là 64.392 triệu đồng.

- Ngân sách trung ương: 58.538 triệu đồng.

- Ngân sách tỉnh: 5.854 triệu đồng.

- Đối với nguồn vốn ngân sách huyện đối ứng thực hiện chương trình, Ủy ban nhân dân huyện bố trí, cân đối trong kế hoạch tài chính, kế hoạch đầu tư công hàng năm để thực hiện nội dung thuộc chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung danh mục chi tiết công trình sử dụng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Tri Tôn, như sau:

Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế xã hội huyện nghèo.

Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế xã hội huyện nghèo.

(Danh mục chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện ban hành quyết định phê duyệt điều chỉnh, bổ sung danh mục chi tiết công trình sử dụng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Tri Tôn.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Tri Tôn khóa XII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 15 tháng 12 năm 2022, có hiệu lực từ ngày ký và thay thế Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện về việc phê duyệt danh mục chi tiết công trình sử dụng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Tri Tôn./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh,
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Kế hoạch – Đầu tư;
- Sở Tài chính; Sở Lao động-TB&XH;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Cơ quan, ban ngành, đoàn thể cấp huyện;
- Thường trực HĐND, UBND cấp xã;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT. Duy.

CHỦ TỊCH

(Handwritten signature)
Nguyễn Thị Phương Lan



PHỤ LỤC

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH DANH MỤC CHI TIẾT CÔNG TRÌNH SỬ DỤNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022
 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU
 QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TRI TÔN
 (Đính kèm Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Tri Tôn)

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế (m)	Thời gian KC-HT	Dự kiến điều chỉnh , bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025					Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022			Chủ đầu tư	Ghi chú
					Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (NST+NST)	Trong đó:		Ngân sách huyện	Tổng số (NST+NST)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh		
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	12	13	14	15	16
	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - Xã hội				169.744	161.661	146.965	14.696	8.083	64.392	58.538	5.854		
1	Bê tông xi măng đường liên xã, xã Lạc Quới - xã Vĩnh Phước	xã Lạc Quới - xã Vĩnh Phước	2.300	2022-2024	14.096	13.425	12.204	1.220	671	4.500	4.091	409	Ban Quản lý DA ĐTXD khu vực huyện	
2	Nâng cấp hạ tầng đường giao thông liên xã, xã Lạc Quới - xã Lê Tri	xã Lạc Quới - xã Lê Tri	1.920	2022-2024	5.925	5.643	5.130	513	282	2.178	1.980	198	Ban Quản lý DA ĐTXD khu vực huyện	
3	Bê tông xi măng đường liên xã, xã Vĩnh Phước - xã Lương Phi	xã Vĩnh Phước - xã Lương Phi	4.400	2022-2024	25.189	23.989	21.808	2.181	1.200	9.405	8.550	855	Ban Quản lý DA ĐTXD khu vực huyện	
4	Nâng cấp đường liên xã, thị trấn Ba Chúc - xã Lương Phi	Thị trấn Ba Chúc - xã Lương Phi	2.300	2022-2024	8.177	7.788	7.080	708	389	2.686	2.442	244	Ban Quản lý DA ĐTXD khu vực huyện	
5	Bê tông xi măng đường liên xã, xã An Tức - xã Lương Phi	xã An Tức - xã Lương Phi	5.200	2022-2024	25.165	23.967	21.788	2.179	1.198	9.232	8.393	839	Ban Quản lý DA ĐTXD khu vực huyện	
6	Nâng cấp đường liên xã, xã Núi Tô - xã An Tức	xã Núi Tô - xã An Tức	2.700	2022-2024	14.033	13.365	12.150	1.215	668	7.267	6.606	661	Ban Quản lý DA ĐTXD khu vực huyện	
7	Bê tông xi măng đường liên xã, thị trấn Ba Chúc - xã Lê Tri (Đoạn Sóc Tức)	Thị trấn Ba Chúc - xã Lê Tri	2.300	2022-2024	13.090	12.467	11.334	1.133	623	4.762	4.329	433	Ban Quản lý DA ĐTXD khu vực huyện	
8	Nâng cấp đường giao thông, cơ sở hạ tầng liên xã, xã Núi Tô - thị trấn Tri Tôn	xã Núi Tô - thị trấn Tri Tôn	1.312	2022-2024	2.962	2.821	2.565	256	141	2.821	2.565	256	Ban Quản lý DA ĐTXD khu vực huyện	
9	Nâng cấp đường liên xã Tây Kênh 13 thị trấn Cô Tô - xã Núi Tô	Thị trấn Cô Tô - xã Núi Tô	3.300	2022-2024	8.865	8.443	7.675	768	422	2.972	2.702	270	Ban Quản lý DA ĐTXD khu vực huyện	
10	Nâng cấp đường giao thông, cơ sở hạ tầng liên xã, xã Ô Lâm - thị trấn Cô Tô	xã Ô Lâm - thị trấn Cô Tô	1.000	2022-2024	2.703	2.574	2.340	234	129	1.089	990	99	Ban Quản lý DA ĐTXD khu vực huyện	
11	Nâng cấp đường liên xã, xã Lương An Trà - xã Vĩnh Phước	xã Lương An Trà - xã Vĩnh Phước	6.000	2022-2024	10.973	10.450	9.500	950	523	3.135	2.850	285	Ban Quản lý DA ĐTXD khu vực huyện	
12	Nâng cấp đường liên xã bờ Tây kênh 10 xã Tân Tuyên - xã Nam Thái Sơn	xã Tân Tuyên - xã Nam Thái Sơn	2.300	2022-2024	5.717	5.445	4.950	495	272	1.920	1.745	175	Ban Quản lý DA ĐTXD khu vực huyện	
13	Nâng cấp đường liên xã, xã Châu Lăng - thị trấn Tri Tôn	xã Châu Lăng -Thị trấn Tri Tôn	2.120	2022-2024	9.356	8.910	8.100	810	446	5.473	4.975	498	Ban Quản lý DA ĐTXD khu vực huyện	
14	Nâng cấp, mở rộng đường liên xã, xã Châu Lăng - xã An Hào	Châu Lăng - xã An Hào	2.600	2022-2024	4.366	4.158	3.780	378	208	1.547	1.406	141	Ban Quản lý DA ĐTXD khu vực huyện	
15	Nâng cấp bê tông xi măng đường liên xã, xã Châu Lăng - thị trấn Tri Tôn - xã Núi Tô	xã Châu Lăng - thị trấn Tri Tôn - xã Núi Tô	2.000	2022-2024	10.395	9.900	9.000	900	495	3.663	3.330	333	Ban Quản lý DA ĐTXD khu vực huyện	
16	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông liên xã Kênh 11 xã Tà Đảnh - xã Tân Tuyên	xã Tà Đảnh - xã Tân Tuyên	2.200	2022-2024	5.509	5.247	4.770	477	262	661	601	60	Ban Quản lý DA ĐTXD khu vực huyện	
17	Nâng cấp đường giao thông liên xã, xã Châu Lăng - xã Lương Phi	xã Châu Lăng - xã Lương Phi	1.300	2022-2024	3.222	3.069	2.790	279	153	1.081	983	98	Ban Quản lý DA ĐTXD khu vực huyện	

